

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST.

Ngày: 12/11/2019.

*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
(Vay tài sản)*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thân Văn Nhàn

2. Ông Đỗ Văn Ngôn

Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2019/TLST- DS ngày 22/4/2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-DS ngày 07/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST – DS ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Địa chỉ: Số 02, L, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Ủy quyền cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ.

Địa chỉ: Khu Trung tâm Điều hành, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Văn K – Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Minh T – Chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ(Có mặt).

-Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T– Sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị L– Sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Bà Vũ Thị C– Sinh năm 1950(đã chết)

-Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C: Anh Nguyễn Hữu T- Sinh năm 1977(Vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Tạ Văn D– Sinh năm 1985(Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2019 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/4/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/4/2016, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V– Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Khu công nghiệp Đ(viết tắt là Ngân hàng) và anh Nguyễn Hữu T(đại diện chủ hộ gia đình) có ký Hợp đồng tín dụng (viết tắt HĐTD) số 2502LAV201600609. Theo HĐTD đã ký, Ngân hàng cho hộ gia đình anh Nguyễn Hữu T vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đời sống hộ gia đình. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay áp dụng theo giấy nhận nợ ngày 21/4/2016 là 9,8%/năm, lãi suất cho vay áp dụng theo giấy nhận nợ ngày 07/4/2017 là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, phương thức vay từng lần. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho hộ gia đình anh Nguyễn Hữu T vay số tiền 100.000.000 đồng làm 02 lần: Lần 1 ngày 21/4/2016 số tiền 50.000.000 đồng, lần 2 ngày 07/4/2017 số tiền 50.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm là vay tín chấp.

Đến hạn trả nợ theo HĐTD số 2502LAV201600609, hộ gia đình anh Nguyễn Hữu T mới thanh toán trả nợ cho Ngân hàng được số tiền gốc 10.000.000 đồng ngày 20/4/2017 và số tiền lãi là 8.080.222 đồng. Sau đó thì gia đình anh T không thanh toán được số tiền nào nữa và đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký.

Tính đến ngày 19/3/2019, hộ gia đình anh Nguyễn Hữu T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc theo Hợp đồng tín dụng số 2502LAV201600609 ngày 21/4/2016 là 90.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 19/3/2019 là 15.742.278 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình anh Nguyễn Hữu T(gồm anh T, chị L, bà C do anh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ) phải thanh toán trả nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi theo HĐTD đã ký tạm tính đến ngày 19/3/2019 là 105.742.278 đồng và lãi phát sinh sau ngày 19/3/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại HĐTD đã ký.

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu T có lời khai trong hồ sơ trình bày: Ngày 21/4/2016 anh có ký HĐTD số 2502LAV201600609 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 21/4/2016, mục đích vay để sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống gia đình, lãi suất theo thỏa thuận trong HĐTD, vay tín chấp không có tài sản bảo đảm. Tính đến ngày 19/3/2019, gia đình anh còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 90.000.000 đồng và lãi. Tuy nhiên anh xác định, thực tế khoản vay trên là anh vay giúp đồng chí Tạ Văn D, cán bộ công an huyện Việt Yên chứ gia đình anh không có nhu cầu vay vốn Ngân hàng. Nay anh xác định gia đình anh có ký vay tiền Ngân

hàng số tiền như Ngân hàng đã khởi kiện. Tuy nhiên do là vay hộ nên gia đình anh sẽ có trách nhiệm đôn đốc đồng chí D trả nợ. Trường hợp đồng chí D không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Mẹ anh là bà Vũ Thị C, sinh năm 1950 đã chết năm 2017. Còn vợ anh là chị Nguyễn Thị L đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án nhưng vợ anh đi làm công ty, thường xuyên không có mặt ở nhà.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã được anh T nhận giấy tờ đồng thời niêm yết triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tạ Văn D trình bày:

Anh và anh Nguyễn Hữu T có mối quan hệ quen biết thân thiết nhau đã lâu. Do có việc cần chi tiêu đến tiền nên anh có vay anh T một khoản tiền nhưng không nhớ cụ thể thời gian vay. Sau khi vay anh T được thời gian ngắn thì anh đã trả lại toàn bộ số tiền vay cho anh T. Còn nguồn tiền anh T cho anh vay ở đâu thì anh không rõ. Anh không nhờ anh T vay tiền Ngân hàng hộ và cũng không biết việc anh T vay tiền Ngân hàng nên anh không đồng ý với ý kiến của anh T. Do anh không liên quan tới việc anh T vay tiền Ngân hàng như thế nào nên anh đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trường hợp Tòa án đưa anh vào tham gia tố tụng anh xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu hộ gia đình anh Nguyễn Hữu T (gồm anh T, chị L, bà C do anh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ) phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết do gia đình anh T đã vi phạm hợp đồng (vi phạm điểm c mục 7.2 Điều 7 HĐTD số 2502LAV201600609). Cụ thể tính đến thời điểm xét xử ngày 12/11/2019 đối với HĐTD số 2502LAV201600609 ngày 21/4/2016, hộ gia đình anh T còn nợ số tiền gốc là 90.000.000 đồng, số tiền lãi là 23.488.332 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi gia đình anh T phải thanh toán trả Ngân hàng theo HĐTD đã ký tạm tính đến ngày 12/11/2019 là 113.488.332 đồng và gia đình anh T tiếp tục phải thanh toán lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 theo HĐTD đã ký. Ngân hàng không biết việc anh T vay tiền cho anh D như thế nào và cũng không cho anh D vay tiền. Ngân hàng chỉ ký HĐTD với hộ gia đình anh T.

Bị đơn anh T, chị L và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C là anh T đã được triệu tập và niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh D xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa được công bố lời khai. Đại diện Ngân hàng không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng còn bị đơn và người liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Điều 471; Điều 474; Điều 476 BLDS 2005; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V. Buộc anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Lphải thanh toán trả Ngân hàng tổng số tiền gốc theo HĐTD số 2502LAV201600609 đã ký là 90.000.000 đồng, số tiền lãi 23.488.332 đồng tạm tính đến ngày 12/11/2019 và lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị Lphải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại các Điều 175; 177; 196; 208 và 220 BLTTDS năm 2015 nhưng bị đơn anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị L vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 BLTTDS 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và pháp luật áp dụng: Căn cứ HĐTD số 2502LAV201600609 ngày 21/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng với hộ gia đình anh Nguyễn Hữu T thể hiện nội dung Ngân hàng có cho gia đình anh Nguyễn Hữu T vay tổng số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để chi phí sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống gia đình, thời hạn vay là 36 tháng nên quan hệ tranh chấp ở đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015 và Điều 474 BLDS 2005. Do thời điểm ký kết HĐTD là ngày 21/4/2016, là thời điểm BLDS 2005 có hiệu lực pháp luật nên Luật nội dung áp dụng để giải quyết đối với vụ án này là Bộ luật dân sự 2005.

[3] Về thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ với hộ gia đình anh Nguyễn Hữu T có địa chỉ tại thôn T, xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ gia đình anh Nguyễn Hữu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Ngân hàng có đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 BLTTDS 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Đối với yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám: Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa

án, Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị L, bà Vũ Thị C phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi theo HĐTD số 2502LAV201600609 ngày 21/4/2016. Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi HĐTD được ký kết, Ngân hàng đã giải ngân cho gia đình anh Nguyễn Hữu T vay tổng số tiền 100.000.000 đồng làm 02 lần, lần 01 ngày 21/4/2016 số tiền 50.000.000 đồng, lần 2 ngày 07/4/2017 số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, gia đình anh T mới thanh toán được số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 8.080.222 đồng. Tổng dư nợ gốc gia đình anh T còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 12/11/2019 là 90.000.000 đồng. Tổng nợ lãi trong hạn, quá hạn và lãi chậm trả đến ngày 12/11/2019 là 23.488.332 đồng. Nay gia đình anh Nguyễn Hữu T đã vi phạm nội dung theo HĐTD đã ký kết (vi phạm điểm c mục 7.2 Điều 7 HĐTD số 2502LAV201600609) không trả nợ gốc, lãi đúng hạn.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, bà C, chị L phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền gốc theo HĐTD số 2502LAV201600609 ngày 21/4/2016 đã ký là 90.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 12/11/2019 của HĐTD là 23.488.332 đồng và lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 theo HĐTD và phụ lục HĐTD đã ký là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4.2] Về nghĩa vụ thanh toán:

Theo HĐTD số 2502LAV201600609 được ký kết ngày 21/4/2016 thì anh Nguyễn Hữu T đại diện hộ gia đình ký vay vốn với Ngân hàng tổng số tiền 100.000.000 đồng. Việc anh T ký đại diện hộ gia đình vay vốn có sự nhất trí của mẹ anh là bà Vũ Thị C (đã chết năm 2017) và chị Nguyễn Thị L là vợ anh (việc nhất trí để anh T đại diện hộ gia đình vay vốn bằng văn bản ủy quyền ngày 15/4/2016 và giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 20/4/2016). Quá trình thực hiện hợp đồng bà Vũ Thị C là mẹ anh Nguyễn Hữu T chết năm 2017. Qua xác minh tại địa phương và căn cứ sổ hộ khẩu có trong hồ sơ thì thể hiện anh T là con duy nhất của bà Vũ Thị C. Do bà C chết năm 2017 nên anh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C theo quy định tại Điều 74 BLTTDS 2015 đối với HĐTD nêu trên. Việc vay vốn nhằm mục đích sản xuất kinh doanh, phát triển đời sống gia đình nên việc Ngân hàng yêu cầu anh T, chị L, bà C (do anh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ) phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ tiền gốc và lãi theo HĐTD đã ký kết là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc anh T cho rằng vay hộ tiền giúp anh Tạ Văn D, cán bộ công an huyện Việt Yên, HĐXX xét thấy: Qua lời khai của anh D thể hiện anh D có vay tiền anh T nhưng không biết nguồn tiền anh T cho anh vay là từ đâu. Bản thân anh D không nhờ anh T vay tiền hộ từ Ngân hàng và cũng không biết anh T vay tiền Ngân hàng. Phía Ngân hàng xác nhận anh T là người vay tiền ngân hàng chứ không cho anh D vay tiền. Toàn bộ hồ sơ thể hiện anh T là người đại diện hộ gia đình vay tiền Ngân hàng. Do đó, việc anh T cho rằng anh vay tiền Ngân hàng hộ anh D là không có căn cứ. Trường hợp giữa anh T và anh D có xảy ra tranh chấp về việc vay tiền thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi các anh có yêu cầu.

[4.3] Về số tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 13/11/2019 cho đến khi anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thoả thuận trong HĐTD số 2502LAV201600609 ngày 21/4/2016.

[5] Về án phí:

-Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

-Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 74; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 BLTTDS 2015; Điều 471; Điều 474; Điều 476 BLDS 2005; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V. Buộc anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị L phải thanh toán trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2502LAV201600609 ngày 21/4/2016 đã ký tính đến ngày 12/11/2019 là 113.488.332 đồng trong đó số tiền gốc là 90.000.000 đồng, số tiền lãi là 23.488.332 đồng.

- Về số tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 13/11/2019 cho đến khi anh T chị L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thoả thuận đã ký trong các HĐTD số 2502LAV201600609 ngày 21/4/2016.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị L phải chịu 5.674.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong đó anh T phải chịu 2.837.000 đồng, chị L phải chịu 2.837.000 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V- Chi nhánh Khu công nghiệp Đ số tiền tạm ứng án phí 2.640.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số AA/2012/05370 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Việt Yên(2 b);
-Chi cục THADS H. Việt Yên;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên